

Bản án số: 26/2024/DSST

Ngày: 11/9/2024

V/v Tranh chấp di sản thừa kế.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hùng Định và Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2022/TLST- DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Đoàn Thị H** - sinh năm 1930; Địa chỉ: khu phố T, thị trấn T, huyện A, tỉnh Phú Yên, có mặt.

* *Bị đơn:* Bà **Huỳnh Thị N** – sinh năm 1950; Địa chỉ: khu phố T, thị trấn T, huyện A, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Huỳnh Trọng P** – sinh năm 1963; Địa chỉ: khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Phú Yên, có mặt.

- Bà **Huỳnh Thị Mỹ H1** – sinh năm 1973; Địa chỉ: khu phố T, thị trấn T, huyện A, tỉnh Phú Yên, có mặt.

- Ông **Huỳnh Trọng T** – sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn M, xã D, huyện A, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- Bà **Huỳnh Thị Mỹ L** – sinh năm 1976; Địa chỉ: Đường G, p11, q6, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

* *Người đại diện theo ủy quyền của chị Huỳnh Thị Mỹ L:* Bà **Huỳnh Thị Mỹ H1** – sinh năm 1973; Địa chỉ: khu phố T, thị trấn T, huyện A, tỉnh Phú Yên, có mặt.

* *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Huỳnh Trọng K (chết):* Chị **Trần Thị Ngọc N1** (Trần Ngọc N1) – sinh năm 1977 và cháu **Huỳnh Minh Q**

– sinh ngày 27/6/2008; Địa chỉ: Thôn K, xã K, thành phố N, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các tài liệu là chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đoàn Thị H trình bày như sau:***

Hộ gia đình bà được Ủy ban nhân dân huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/12/2003, gồm các thửa đất sau: Thửa số 315, tờ bản đồ số 6, diện tích 312 m² đất 2 lúa; Thửa số 121, tờ bản đồ số 5, diện tích 460 m² đất 2 lúa; Thửa đất số 320, tờ bản đồ số 3, diện tích 110 m² đất ở; Thửa số 538, tờ bản đồ số 6, diện tích 2020 m² đất vườn.

Trong đó đất 2 lúa và đất vườn cấp cho hộ gia đình có 06 người gồm: Huỳnh K, Đoàn Thị H, Huỳnh Thị Mỹ H1, Huỳnh Trọng T, Huỳnh Thị Mỹ L, Huỳnh Trọng K (đã chết) có vợ là Trần Thị Ngọc N1 (Trần Ngọc N1) và con trai Huỳnh Minh Q.

Bà và ông Huỳnh K có 04 người con là: Huỳnh Thị Mỹ H1, Huỳnh Trọng T, Huỳnh Thị Mỹ L và Huỳnh Trọng K. Ông K có 02 người con riêng là Huỳnh Thị N và Huỳnh Trọng P.

Diện tích đất ở tại thửa đất số 320, tờ bản số 3, diện tích 110 m² là đất công nhận cho vợ chồng bà (Huỳnh K và Đoàn Thị H). Trên diện tích đất này vợ chồng bà có xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4. Sau khi ông K chết bà cùng con gái là Huỳnh Thị Mỹ H1 có cải tạo, sửa chữa. Hiện nay bà đang sống cùng chị H1 tại ngôi nhà này.

Năm 1997 chồng bà chết không để lại di chúc. Để thuận tiện cho việc sử dụng và tránh sự tranh chấp, bà yêu cầu Tòa án chia di sản của chồng bà để lại là 1/2 diện tích đất ở cho các đồng thừa kế theo pháp luật, về phần ngôi nhà, đề nghị Tòa án xem xét đây là tài sản chung của bà và chị H1. Bà xin nhận toàn bộ đất và nhà để ở và sẽ thanh toán lại cho các đồng thừa kế giá trị theo pháp luật, yêu cầu Tòa án tiến hành định giá tài sản theo pháp luật.

Bà chỉ yêu cầu chia diện tích đất 110 m² của thửa đất số 320, tờ bản số 3. Ngoài ra bà không yêu cầu chia di sản nào khác

Bị đơn bà Huỳnh Thị N, tại biên bản hòa giải ngày 11/4/2023 trình bày như sau:

- Về quan hệ gia đình, hàng thừa kế, di sản thừa kế cha bà là Huỳnh K để lại đúng như nguyên đơn trình bày. Bà thống nhất chia theo pháp luật đối với 1/2 diện tích đất ở và 1/2 giá trị ngôi nhà do cha bà để lại và yêu cầu Tòa án định giá tài sản và chia theo giá trị, bà xin nhận giá trị đối với kỹ phần của mình.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2024, bà N bổ sung: Tại biên bản hòa giải ngày 11/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên bà thống nhất chia di sản thừa kế của ông Huỳnh K để lại thửa đất số 320, tờ bản đồ số 3, diện tích

110 m². Mặc dù bà bị bệnh thường xuyên phải điều trị, kinh tế khó khăn nhưng bà cũng không muốn nhận kỷ phần thừa kế của cha bà là ông Huỳnh K. Bà tự nguyện nhường kỷ phần thừa kế của bà cho bà Đoàn Thị H. Bà hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Trọng P, anh Huỳnh Trọng T thống nhất với ý kiến chia di sản của cha Huỳnh K như bà N. Ông và anh xin nhận giá trị kỷ phần của mình.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Mỹ H1 và đại diện cho chị Huỳnh Thị Mỹ L trình bày: Thống nhất ý kiến của bà H và các bên. Không có ý kiến khác. Đối với ngôi nhà bà H1 bổ sung sau khi cha bà chết, Năm 1998, bà ở chung với mẹ là Đoàn Thị H, bà và mẹ đã cùng góp chung xây nhà như hiện tại nên đề nghị Tòa án xem xét đây là tài sản chung của bà và bà H, không chia thừa kế.

* Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Huỳnh Trọng K đã được ủy thác thu thập chứng cứ nhưng không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng cơ bản tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 612; Điều 613; Điều 623; Điều 649; Điều 651; Điều 652 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi của nguyên đơn bà Đoàn Thị H. Chia 1/2 diện tích đất thuộc thửa 320, tờ bản số 3 là di sản thừa kế của ông Huỳnh K cho các đồng thừa kế. Ghi nhận việc tự nguyện nhường kỷ phần thừa kế của bà Huỳnh Thị N cho bà Đoàn Thị H. Bà Đoàn Thị H có trách nhiệm thôi lại giá trị cho các đồng thừa kế gồm ông Huỳnh Trọng P, bà Huỳnh Thị Mỹ H1, ông Huỳnh Trọng T, bà Huỳnh Thị Mỹ L, Chị Trần Thị Ngọc N1 (Trần Ngọc N1) và con trai. Giá trị đất theo Biên bản định giá ngày 07/6/2024 của Hội đồng định giá.

Về các tài sản trên đất: Bà H được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất tại thửa 320, tờ bản số 3. Bà H và bà H1 được quyền sử dụng chung ngôi nhà 1 tầng do bà H và bà H1 cải tạo sửa chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Đoàn Thị H khởi kiện bà Huỳnh Thị N về tranh chấp thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất. Diện tích đất đang tranh chấp tại khu phố T, thị trấn T, huyện A. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp di sản thừa kế và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Các đương sự được Tòa án triệu tập họp lệ: Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, căn cứ Điều 227, Điều 228, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Đối với yêu cầu xác định tư cách tham gia tố tụng của ông Huỳnh Trọng P: tại phiên tòa bà H trình bày: bà N có đến nhà hỏi chuyện chia di sản thừa kế của ông Huỳnh K nên bà khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế với bị đơn là bà Huỳnh Thị N vì nghĩ hai chị em nên bà khởi kiện hai người. Quá trình giải quyết vụ án, nhận thấy các đương sự yêu cầu chia di sản thừa kế thì quyền và nghĩa vụ các bên như nhau nên xác định tư cách tham gia tố tụng của ông P là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện Yêu cầu chia di sản thừa kế của người đã chết là ông Huỳnh K. Đây là tranh chấp di sản thừa kế theo Điều 612 và Điều 649 của Bộ luật dân sự.

[4] Xét yêu cầu của các đương sự, thấy rằng:

[4.1] Về quan hệ huyết thống: Các đương sự đều thống nhất ông Huỳnh K (chết năm 1997) có vợ là bà Đoàn Thị H có 04 người con chung là: Huỳnh Thị Mỹ H1, Huỳnh Trọng T, Huỳnh Thị Mỹ L và Huỳnh Trọng K. Ông Huỳnh K có 02 người con riêng là Huỳnh Thị N, Huỳnh Trọng P ngoài ra không còn người con nào khác.

[4.2] Về thời hiệu khởi kiện chia thừa kế và người thừa kế theo pháp luật: Ông Huỳnh K chết năm 1997 nên còn thời hiệu khởi kiện chia thừa kế theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật dân sự. Người thừa kế theo pháp luật của ông Huỳnh K là bà Đoàn Thị H, bà Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Trọng P, bà Huỳnh Thị Mỹ H1, ông Huỳnh Trọng T, bà Huỳnh Thị Mỹ L và anh Huỳnh Trọng K (chết).

[4.3] Về di sản thừa kế: ông Huỳnh K là chủ hộ được cấp đất theo Nghị định 64/NĐ-CP của Chính phủ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 089324 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp ngày 01/12/2003 trong đó có thửa 320, tờ bản đồ số 3, diện tích 110m² (đo đạc thực tế 149,6m²) là đất ở công nhận cho vợ chồng ông Huỳnh K, bà Đoàn Thị H. Các đương sự chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế đối với thửa 320 trong Giấy chứng nhận nói trên. Ngoài ra không yêu cầu chia thừa nào khác.

[4.4] Về Chia thừa kế: Di sản thừa kế ông Huỳnh K để lại, thời điểm được Nhà nước công nhận và cân đối đất theo nghị định 64/NĐ-CP, thửa 320 là tài sản chung của ông Huỳnh K và bà Đoàn Thị H, nên được chia đều cho ông K và bà H mỗi người một nửa diện tích đất. Ông K chết không để lại di chúc, vì vậy di sản của ông K được chia theo pháp luật cho người thừa kế là bà Đoàn Thị H, bà Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Trọng P, bà Huỳnh Thị Mỹ H1, ông Huỳnh Trọng T, bà Huỳnh Thị Mỹ L và Huỳnh Trọng K (đã chết). Anh K chết nên phần thừa kế của Anh K do chị Trần Thị Ngọc N1 (Trần Ngọc N1) và cháu Huỳnh Minh Q thừa kế.

- Đối với chị Trần Thị Ngọc N1 (Trần Ngọc N1) và cháu Huỳnh Minh Q là vợ và con của anh Huỳnh Trọng K (chết): Tòa án đã ủy thác thu thập chứng cứ nhưng không có kết quả. Vì vậy, phần thừa kế của anh Huỳnh Trọng K do người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng chị Trần Thị Ngọc N1 (Trần Ngọc N1) và cháu Huỳnh Minh Q tạm giao cho bà Huỳnh Thị Mỹ H1 quản lý. Quyền và nghĩa vụ của của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh Huỳnh Trọng K sẽ được Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[4.5] Về các tài sản trên đất: Đất được xác định theo biên bản định giá ngày 07/6/2024:

- Tài sản là đất được xác định như sau: Đo đạc thực tế $149,6m^2$ ($110m^2$ đất ở và $39,6m^2$ đất BHK) được tính như sau: $(110m^2 : 2) + (39,6 : 2) = 55m^2 + 19,8m^2$

Đất ở: $55m^2 \times 4.100.000đ = 225.500.000đ$

Đất BHK: $19,8m^2 \times 2.050.000đ = 40.590.000đ$

Tổng cộng: $225.500.000đ + 40.590.000đ = 266.090.000đ$.

Như vậy giá trị đất là di sản do ông Huỳnh K để lại: 266.090.000đ (Hai trăm sáu mươi sáu triệu không trăm chín mươi nghìn đồng), chia đều cho 07 đồng thừa kế là bà Đoàn Thị H, bà Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Trọng P, bà Huỳnh Thị Mỹ H1, ông Huỳnh Trọng T, bà Huỳnh Thị Mỹ L và anh Huỳnh Trọng K (đã chết). Mỗi người thừa kế được nhận giá trị $266.090.000đ : 7 \text{ người} = 38.012.857đ$ (Ba mươi tám triệu không trăm mười hai nghìn tám trăm năm mươi bảy đồng). Bà H được nhận đất và thối lại giá trị cho các đồng thừa kế theo giá trị tương ứng. Ghi nhận sự tự nguyện nhường kỹ phần thừa kế của bà Huỳnh Thị N cho bà Đoàn Thị H. Đối với kỹ phần của anh Huỳnh Trọng K (chết), tạm giao cho bà Huỳnh Thị Mỹ H1 quản lý. Quyền và nghĩa vụ của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Huỳnh Trọng K sẽ được Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu. Bà H được tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất tại thửa 320, tờ bản đồ số 3 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 089324 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp ngày 01/12/2003.

- Tài sản là nhà: tại phiên tòa bà H1 trình bày sau khi cha bà chết bà và mẹ đã cùng nhau cải tạo, sửa chữa để ở, qua thời gian bà có xây dựng thêm các chái tole để sử dụng như hiện nay. Hội đồng xét xử thấy, bà H và bà H1 có cải tạo, sửa chữa nhà và xây dựng các chái tole như hiện tại theo biên bản thẩm định, định giá tài sản. Việc sử dụng nhà phải có sửa chữa, tu tạo là hợp lý, được chấp nhận. Bên cạnh đó, tại phiên tòa ông P thống nhất nhà do bà H và bà H1 cải tạo nên không yêu cầu chia. Vì vậy bà H và bà H1 được tiếp tục sử dụng chung ngôi nhà 1 tầng xây dựng trên thửa đất 320.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế của ông Huỳnh K theo quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí tố tụng: 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Vì là yêu cầu chia thừa kế nên các đồng thừa kế phải chịu chi phí tố tụng theo quy định. Bà H1 đã tạm ứng trước. Tại phiên tòa bà H1 tự nguyện chịu và không yêu cầu các đồng thừa kế phải thanh toán lại nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Tại phiên tòa ông P đề nghị Tòa án xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông vì ông là người cao tuổi nên chấp nhận.

- Bà H và ông P là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Huỳnh Thị Mỹ H1: phải chịu án phí đối với kỹ phần bà H1 được nhận và kỹ phần của anh Huỳnh Trọng K: $(38.012.857đ \times 2) \times 5\% = 3.801.287đ$ (Ba triệu tám trăm lẻ một nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng).

- Ông Huỳnh Trọng T, bà Huỳnh Thị Mỹ L, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với kỹ phần được nhận: $38.012.857đ \times 5\% = 1.900.643đ$ (Một triệu chín trăm nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35; Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 612; Điều 613; Điều 623; Điều 649; Điều 651; Điều 652; Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi của nguyên đơn bà Đoàn Thị H, chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của ông Huỳnh K theo quy định của pháp luật.

[1] Chia một nửa giá trị diện tích đất tại thửa 320, tờ bản đồ số 3 trị giá 266.090.000đ (Hai trăm sáu mươi sáu triệu không trăm chín mươi nghìn đồng), chia đều cho 07 đồng thừa kế là bà Đoàn Thị H, bà Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Trọng P, bà Huỳnh Thị Mỹ H1, ông Huỳnh Trọng T, Huỳnh Trọng K (đã chết). Mỗi người thừa kế được nhận giá trị 38.012.857đ (Ba mươi tám triệu không trăm mười hai nghìn tám trăm năm mươi bảy đồng). Bà H được nhận đất và thối lại giá trị cho các đồng thừa kế theo giá trị tương ứng. Bà H được nhận kỹ phần do bà N nhường lại. Ghi nhận sự tự nguyện nhường kỹ phần thừa kế của bà Huỳnh Thị N cho bà Đoàn Thị H. Đối với kỹ phần của anh Huỳnh Trọng K (chết), tạm giao cho bà Huỳnh Thị Mỹ H1 quản lý. Quyền và nghĩa vụ của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Huỳnh Trọng K sẽ được Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu. Bà H được tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất tại thửa 320, tờ bản đồ số 3 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 089324 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp ngày 01/12/2003.

[2] Về các tài sản trên đất: Bà Đoàn Thị H và bà Huỳnh Thị Mỹ H1 được tiếp tục sử dụng chung ngôi nhà 1 tầng xây dựng trên thửa đất 320.

[3] Về chi phí tố tụng: Bà Huỳnh Thị Mỹ H1 tự nguyện chịu chi phí tố tụng 6.000.000đ. Bà H1 đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Về án phí:

- Bà H và ông P là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Huỳnh Trọng T, bà Huỳnh Thị Mỹ L mỗi người phải chịu 1.900.643đ (Một triệu chín trăm nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Huỳnh Thị Mỹ H1 phải chịu 3.801.286đ (Ba triệu tám trăm lẻ một nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ; Án Văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Xuân Hương